

Số: 38.11 /TB-BVTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025
lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 1
thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND TP. HCM về việc cho phép đổi tên Bệnh viện Phụ Sản TP. HCM thành Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế TP. HCM và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Từ Dũ;

Căn cứ Quyết định số 6555/QĐ-SYT ngày 15/11/2016 của Sở Y tế TP. HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Từ Dũ thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1, Khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Điều 49 Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 390/BHXX-CĐBHYYT ngày 24/10/2025 của Bảo hiểm xã hội TP.HCM về việc mua sắm theo Điều 49, Nghị định 188/NĐ-CP đối với cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 6501/SYT-NVD ngày 05/11/2025 của Sở Y tế TP.HCM về việc mua sắm thuốc cho công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Từ Dũ (cơ sở 2);

Căn cứ Kết luận Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 04/11/2025;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-BVTD ngày 06/11/2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kế hoạch Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp);

Căn cứ Quyết định số 333.1 /QĐ-BVTD ngày 17 / 11 /2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 1 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

Bệnh viện Từ Dũ thông báo kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 1 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025 như sau:

1. Thông tin về Kế hoạch mua sắm:

- Tên kế hoạch: Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

- Hình thức mua sắm: Bệnh viện tự quyết định (Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 1, khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế).

- Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Các nguồn thu hợp pháp khác.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Danh sách công ty, các sản phẩm thuốc mua sắm đợt 1:

- Tổng số mặt hàng mua sắm đợt 1: 295/664 mặt hàng

- Tổng giá mua sắm đợt 1: 7.681.971.300 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ sáu trăm tám mươi một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng)

Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm.

- Danh sách công ty mua sắm và hoàn thiện, ký kết hợp đồng:

STT	Tên công ty mua sắm
1	CÔNG TY TNHH TM DP ANH KHOA
2	CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VŨ
3	CÔNG TY CỔ PHẦN AZENCA
4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI AN PHÚ
5	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KIẾN TẠO VIỆT
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐÔNG
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN
10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC
14	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN
15	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÀ
17	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
18	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
19	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD
21	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC AN
22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
23	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
24	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
25	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
26	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL
27	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM

28	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
29	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT
30	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN
31	CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HÙNG VIỆT
32	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
33	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM
34	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
35	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC HOÀNG LONG
36	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
37	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM THÀNH VINH
38	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
39	CÔNG TY CPDP AMPHARCO U.S.A
40	CÔNG TY CPDP KHƯƠNG DUY
41	CÔNG TY CPDP TRE XANH
42	CÔNG TY CPTM DƯỢC PHẨM PVN
43	CÔNG TY TNHH KENKO PHARMA
44	CÔNG TY TNHH VIBAN
45	CÔNG TY TNHH DMP THÁI NHÂN
46	CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM PHARMA
47	CÔNG TY TNHH DP ATIPHARM
48	CÔNG TY TNHH DP NHẤT ANH
49	CÔNG TY TNHH DP PHÚ PHI
50	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG GIANG SÀI GÒN
51	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ACCORD
52	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN NHÂN
53	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH KHANG
54	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BIÊN LOAN
55	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH
56	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITO PHARMA
57	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN MAI
58	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH
59	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HQ
60	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM IVY
61	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT
62	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM THÁI DƯƠNG
63	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHÂN PHƯƠNG
64	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHẠM ANH
65	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
66	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG
67	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT QUỐC
68	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD
69	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

70	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
71	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THÁI
72	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG
73	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C
74	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN
75	CÔNG TY TNHH LYNH FARMA
76	CÔNG TY TNHH MEDIST PHARMA
77	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
78	CÔNG TY TNHH SK QUỐC TẾ
79	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG
80	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH
81	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH NGUYỄN
82	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MƯỜI THÁNG BA
83	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG
84	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG
85	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
86	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC THUẬN GIA
87	CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN
88	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀNG NGUYỄN
89	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ
90	CTY CP DƯỢC MEDIPHARCO

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của công ty tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bệnh viện Từ Dũ theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 18 / 11 / 2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM.

- Thời gian ký kết hợp đồng: Từ ngày 19 / 11 / 2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM (số điện thoại 028.3952.6568 (294)), gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Danh sách công ty;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Trần Ngọc Hải

PHỤ LỤC

Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Tử Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giuộc) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 1
(Kèm theo Thông báo số 4944 TB-BVTD ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Tử Dũ)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
I. THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ TRUYỀN															
1	Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa,	Bearbidan	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với Đan sâm 0,125g; Huyền sâm 0,125g; Viễn chí 0,125g; Toan táo nhân 0,125g; Đảng sâm 0,125g; Bá tử nhân 0,15g; Bạch linh 0,125g; Cát cánh 0,125g; Ngũ vị tử 0,15g; Mạch môn đông 0,15g; Thiên môn đông 0,15g; Sinh địa 1g; Đương quy 0,15g) 290mg; Chu sa 0,05g	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược Hà Tinh	Việt Nam	VD-26694-17	Nhóm 3	1.980	140.920	279.021.600	Công ty cổ phần Dược Medibros Miền Nam
2	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tân giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Mã tiền.	Phong đàn	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với: Tục đoạn 500mg; Phòng phong 500mg; Hy thiêm 500mg; Độc hoạt 400mg; Tân giao 400mg; Đương quy 300mg; Ngưu tất 300mg; Thiên niên kiện 300 mg; Hoàng kỳ 300mg; Đỗ trọng 200mg; Bạch thược 300mg; Xuyên khung 300mg) 560mg; Bột Mã tiền chế 40mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	VD-26637-17	Nhóm 3	2.920	6.000	17.520.000	Công ty cổ phần Dược Medibros Miền Nam
3	Bạch truật; Viễn chí; Long nhãn; Bạch linh; Đương quy; Đảng sâm; Toan táo nhân; Hoàng kỳ; Mộc hương; Đại táo; Cam thảo; Bột mịn Bạch linh; Bột mịn Hoàng Kỳ; Bột mịn Toan táo nhân; Bột mịn Cam thảo	Quy tỷ	Cao khô hỗn hợp 300mg (tương đương với: Bạch truật 248mg; Viễn chí 248mg; Long nhãn 248mg; Bạch linh 181,3mg; Đương quy 174,7mg; Đảng sâm 124mg; Toan táo nhân 107,3mg; Hoàng kỳ 87,3mg; Mộc hương 63mg; Đại táo 63mg; Cam thảo 55,4mg); Bột mịn Đương quy 73,3mg; Bột mịn Bạch linh 66,7mg; Bột mịn Hoàng Kỳ 36,7mg; Bột mịn Toan táo nhân 16,7mg; Bột mịn Cam thảo 6,6mg.	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 1 Lọ 30 viên	Công ty Cổ phần TM Dược VTTYT Khai Hà	Việt Nam	VD-30743-18	Nhóm 3	780	36.000	28.080.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
4	Thực địa: Hoài sơn; Mẫu đơn bì; Trạch tả; Phục linh; Sơn thù; Phụ tử chế; Quế nhục	Kidneycap Bất vị - Bỏ Thận Dương	262,5mg; 240mg; 162,5mg; 162,5mg; 162,5mg; 220mg; 55mg; 55mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	VD-20227-13	Nhóm 3	605	360.000	217.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
5	Chai 60ml chứa: Cao lóng Bạch hộ (1:1) (tương đương với 15,36g Bạch hộ) 15,36g	PQA Bạch Hộ	15,36g	Siro	Uống	Chai	Hộp 1 chai 60 ml + 1 cốc dùng	Công ty cổ phần dược phẩm PQA	Việt Nam	VD-32298-19	Nhóm 3	20.500	575	11.787.500	Công ty cổ phần Avenca
6	Cao khô hỗn hợp được liêu (tương ứng với: Cam thảo; Bạch mao căn; Bạch thược; Đan sâm; Bán lan căn; Hoắc hương; Sài hồ; Liên kiều; Thần khúc; Chỉ thực; Mạch nha; Nghe) 500mg	Phamanca	20mg; 400mg; 400mg; 400mg; 300mg; 300mg; 400mg; 300mg; 300mg; 400mg; 300mg; 400mg; 300mg; 400mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	VD-28954-18	Nhóm 3	2.200	18.335	40.337.000	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Giang Sài Gòn
7	Cao khô trích nữ Crila (Extractum Crini latifolii sicum) thuộc loài trích nữ hoàng cùng Crinum latifolium L. var. crilae Tram & Khanh) 500mg, tương đương alkaloid toàn phần 2,5mg	Crila Forte	Cao khô trích nữ Crila (Extractum Crini latifolii sicum) thuộc loài trích nữ hoàng cùng Crinum latifolium L. var. crilae Tram & Khanh) 500mg, tương đương alkaloid toàn phần 2,5mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 túi nhôm x 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Dược	Việt Nam	893210191825 (VD-24654-16)	Nhóm 1	4.950	4.680	23.166.000	Công Ty Cổ phần O2Pharm
8	Cao toàn phần không xạ phòng hoa quả bơ và dầu đậu nành 300mg; (Tương ứng: phần không xạ phòng hoa quả bơ 100mg; phần không xạ phòng hoa quả bơ 200mg)	Piascledine	300mg (100mg + 200mg)	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 15 viên, 2 vỉ x 15 viên	Laboratoires Expanscience	Pháp	300210726524	Nhóm 4	12.000	6.000	72.000.000	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
9	Hoàng kỳ; Dương quy; Xích thược; Địa long; Xuyên khung; Đào nhân; Hồng hoa	Tharodas	Cao đặc hỗn hợp được liêu 3g	Thuốc cốm	Uống	Gói	Gói x 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	Việt Nam	TCT-00063-22	Nhóm 3	7.749	20.280	157.149.720	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TIN

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
10	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi	Bổ gan tiêu độc Livstin-94	1500mg, 250mg, 250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	VD-21649-14	Nhóm 3	1.800	40.560	73.008.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
11	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ	Gantavimin	300mg, 250mg, 300mg, 500mg, 300mg, 120mg	Viên nén bao đường	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	VD-25097-16	Nhóm 3	730	97.555	71.215.150	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
12	Tăng kỷ sinh, Độc hoạt, Phòng phong, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bò cốt chi	Thấp khớp Nam Dược	1,5g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 0,5g	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam	VD-34490-20	Nhóm 3	2.050	122.100	250.305.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
13	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Bát trân	Mỗi viên chứa 267 mg cao khô được liệu tương đương: Thục địa 364 mg; Đương quy 297,3 mg; Đảng sâm 242 mg; Bạch truật 242 mg; Bạch thược 202 mg; Bạch linh 175,7 mg; Xuyên khung 142 mg; Cam thảo 102 mg; Bột mịn được liệu bao gồm: Đương quy 66,7 mg; Bạch linh 66,3 mg; Bạch thược 40 mg; Xuyên khung 40 mg; Cam thảo 20 mg	Viên nang	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma	Việt Nam	VD-25007-16	Nhóm 3	750	54.000	40.500.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma
14	Ginkgo biloba	Goliot	120mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 12 vỉ x 10 viên	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	594210723124	Nhóm 1	8.000	335	2.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP
15	Ginkgo biloba	GILIBA	40mg	Viên nang mềm	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	VN-20891-18	Nhóm 2	3.500	335	1.172.500	Công ty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
16	Ginkgo biloba	Interginko Tab (Ginkgo leaf extract 80mg)	80mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd	Korea	VN-21147-18	Nhóm 2	4.850	335	1.624.750	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM BÁCH KHANG

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
17	Hùng chanh; Núc nác; Cineol	Hoastex	Mỗi 5ml chứa: Cineol 4,65mg; Hùng chanh (Folium Plectranthi amboinici) 2,5g; Núc nác (Cortex Oroxyl) 0,625g	Sirô thuốc	Uống	Chai	Hộp 1 chai 90ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	893100311300 (VD-25220-16)	Nhóm 3	35.637	5	178.185	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
18	Hùng chanh; Núc nác; Cineol	Thuốc ho Astemix	60ml	Cao lỏng	Uống	Chai	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100264900 (VD-33407-19)	Nhóm 3	27.300	960	26.208.000	Công ty TNHH DP Aupharm
19	Hùng chanh; Núc nác; Cineol	Hoastex	Mỗi 5ml chứa: Cineol 4,65mg; Hùng chanh (Folium Plectranthi amboinici) 2,5g; Núc nác (Cortex Oroxyl) 0,625g	Sirô thuốc	Uống	Chai	Hộp 1 chai 90ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	893100311300 (VD-25220-16)	Nhóm 2	35.637	95	3.385.515	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
20	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Lopassi	Mỗi viên chứa 210 mg cao khô được liệu tương đương: Lá sen 500 mg; Lá vông 700 mg; Lạc tiên 500 mg; Tâm sen 100 mg; Bình vôi 1000 mg	Viên bao đường	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty CP dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	VD-30950-18	Nhóm 3	920	11.440	10.524.800	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Nguyễn
21	Mã tiền chế 70mg; Quế chi 40mg; Cao khô hỗn hợp được liệu (tương đương với 460mg được liệu bao gồm: Dương quy 70mg; Đỗ trọng 70mg; Ngưu tất 60mg; Độc hoạt 80mg; Thục phụ tử 80mg; Thỏ phục linh 100mg) 92mg	Phong tế thấp HD New	-	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	VD-27694-17	Nhóm 3	1.495	36.000	53.820.000	Công ty TNHH Dược phẩm Y.A.C
22	Nghe vàng.	Tunegas	Mỗi 15ml chứa: Bột nghe vàng 4,5g	Gel lỏng	Uống	Gói	Hộp 10 gói x 15ml	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	VD-25590-16	Nhóm 3	7.455	18.000	134.190.000	Công ty cổ phần Dược Meobros Miền Nam
23	Ngưu tất, Nghê, Hoa hoè, Bạch trạch.	Hamov	Cao khô hỗn hợp được liệu: 90mg (tương ứng với 150mg; 150mg; 150mg; 300mg)	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam	VD-32486-19	Nhóm 3	903	54.000	48.762.000	Công ty TNHH Vạn Xuân

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
24	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đường quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hoa hòe, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân.	Tiêu Trĩ Q	166,7mg; 333,3mg; 333,3mg; 333,3mg; 220mg; 220mg; 166,7mg; 443,3mg; 443,3mg; 333,3mg; 266,7mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tự y tế Hải Dương	Việt Nam	VD-33782-19	Nhóm 3	8.450	54.000	456.300.000	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Thái Dương
25	Nhân sâm, Thủy Diệt, Toàn yết, Xích Thược, Thuyền Thôi, Thổ miết trùng, Ngô công, Đan hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toàn táo nhân, Bàng phiến	Thông Tâm Lạc	37,67 mg; 71,06 mg; 47,09 mg; 32,53 mg; 47,09 mg; 47,09 mg; 9,42 mg; 15,41 mg; 16,27 mg; 15,41 mg; 31,68 mg; 9,42 mg	Viên nang	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co., Ltd.	Trung Quốc	VN-9380-09	Nhóm 4	6.900	72.000	496.800.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Nhân Phương
26	Quy bản, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu.	Superyin	Mỗi 430mg cao khô hỗn hợp được liệu tương ứng: (1,5g; 1,5g; 0,5g; 0,5g)	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam	VD-29580-18	Nhóm 3	1.260	54.000	68.040.000	Công ty TNHH Vạn Xuân
27	Sài hồ, Tiên hồ, Xuyên khung, Chi xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh, Cát cánh, Đảng sâm, Cam thảo.	Panaxanti	260mg; 260mg; 195mg; 195mg; 260mg; 260mg; 260mg; 130mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đồng Dược Việt)	Việt Nam	VD-31249-18	Nhóm 3	4.000	36.000	144.000.000	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kiến Tạo Việt
28	Tam thất	Tam thất bổ máu - YB	Tam thất bổ máu - YB	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Việt Nam	VD-33658-19	Nhóm 3	2.900	11.960	34.684.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
29	Xích đồng nam, Ngáy hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	Hoàn xích hương	Mỗi 50g hoàn cứng chứa: Cao đặc hỗn hợp được liệu (tương đương với Xích đồng nam 50g, Ngáy hương 50g) 10g; Thục địa 10g; Hoài sơn 10g; Mẫu đơn bì 8g; Bạch linh 8g; Trạch tả 8g; Mật ong 2g	Viên hoàn cứng	Uống	Cói	Hộp 10 gói x 12,5g	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	VD-26695-17	Nhóm 3	9.500	12.000	114.000.000	Công ty cổ phần Dược Medibros Miền Nam
30	Bột hỗn hợp được liệu (tương đương: Bạch linh; Mẫu đơn bì; Hoài sơn; Trạch tả); Cao đặc hỗn hợp được liệu (tương đương: Hoài sơn; Trạch tả; Sơn thù; Thục địa)	Lực vị TW3	(120mg; 120mg; 110mg; 50mg) 400 mg; (50mg; 70mg; 160mg; 320mg) 370mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên. Hộp 5 vỉ x 10 viên.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	VD-33177-19	Nhóm 3	441	360.000	158.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3

[illegible]

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
35	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Prismasol B0	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa: Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g. Khoảng B: Mỗi 1000ml chứa: Sodium clorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoảng A và khoảng B chứa: Calcium 1,75mmol/l, Magnesium 0,5mmol/l, Sodium 140 mmol/l, clorid 109,5mmol/l, Lactat 3mmol/l, hydrogen carbonat 32mmol/l	Dịch lọc máu và thẩm tách máu	Tiêm truyền	Túi	Túi 5 lít, Thùng 2 túi, mỗi túi gồm 2 khoang (Khoang A 250ml và khoang B 4750ml)	Bieffe Medital S.p.A.	Ý	800110984824 (VN-21678-19)	Nhóm 1	700.000	70	49.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y PHƯƠNG ĐỒNG
36	Acarbose	Bluecaboze 50mg	50mg	Viên nén không bao	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Bluepharma - Industria Farmaceutica, S.A.	Bồ Đào Nha	560110188923	Nhóm 1	2.600	285	741.000	Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát
37	Acetofenac	Clanzact	200mg	Viên nén bao phim phòng thích có kiểm soát	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	880110355225 (VN-15948-12)	Nhóm 3	6.900	3.875	26.737.500	Công ty TNHH Dược phẩm Ý Đồng
38	Acetazolamid	Acetazolamid	250mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893110214800	Nhóm 4	1.074	1.000	1.074.000	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
39	Acetyl leucine	Zentanil	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110204824	Nhóm 4	24.200	335	8.107.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
40	Acetyl leucin	Zentanil 500mg/5ml	500mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	VD-33432-19	Nhóm 4	12.000	35	420.000	Công ty cổ phần dược phẩm Azenca
41	N-acetyl-dl- leucin	Gikanin	500mg	Viên nén	Uống	Viên	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	VD-22909-15	Nhóm 4	309	31.460	9.721.140	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
42	Acetylcystein	Bixamuc 200	200mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893100754424	Nhóm 4	188	17.375	3.266.500	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM VIỆT - THÁI

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
43	Acetylcystein	Antimuc 300 mg/3 ml	300mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 10 ống x 3ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-36204-22	Nhóm 4	29.000	290	8.410.000	Công ty TNHH DP Anpharm
44	Acid acetylsalicylic	Doespin 81 mg	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Viên	Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên, Hộp 1 chai 100 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	893110318423	Nhóm 4	189	86.265	16.304.085	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
45	Acyclovir	Paclovir	5%, 5g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 5g	Công ty cổ phần được Apimed	Việt Nam	893100285200	Nhóm 4	3.450	390	1.345.500	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh
46	Aciclovir	Disvir 800	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vi x 15 viên Hộp 1 chai x 30 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110163424	Nhóm 2	2.850	1.030	2.935.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
47	Adenosin	Adenovin	3mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	893110281724	Nhóm 4	455.000	80	36.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc
48	Albendazol	Zenipa	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 vi x 2 viên, Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần được Apimed	Việt Nam	VD-35332-21	Nhóm 4	1.590	30	47.700	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh
49	Albendazol	SaVi/Alben 400	400mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 vi x 1 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110295623	Nhóm 2	2.939	60	176.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
50	Allopurinol	Sedapron 100	100mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 5 vi x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	529110521624	Nhóm 1	1.750	7.250	12.687.500	Công ty TNHH DP Nhất Anh
51	Allopurinol	Hadugut 300	300mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	893110107600	Nhóm 2	509	10.610	5.400.490	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
52	Alpha cymotrypsin	Masapon	21 microkatal	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110417224	Nhóm 2	670	21.710	14.545.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
53	Aluminum phosphat	A.T Alugeia	20% (12,38g)	Hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 26 gói x 20 g	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-24127-16	Nhóm 4	1.215	1.955	2.375.325	Công ty TNHH DP Anpharm
54	Ambroxol HCL	OLESOM	30mg/5ml, 100ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch	Uống	Chai	Hộp 1 chai 100ml	Gracure	India	VN-22154-19	Nhóm 2	39.480	415	16.384.200	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KIANG

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
55	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	Vinphacine 250	250mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 1 vi x 10 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110448324	Nhóm 4	5.700	220	1.254.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
56	Trong mỗi ống 2ml có chứa Amikacin sulfate 500mg	Aju Amikacin Injection 500mg/2mL	500mg/2ml; 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 2ml	Aju pharm. Co., Ltd	Korea	880110007325	Nhóm 2	20.890	125	2.611.250	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiệp Thuận Thành
57	Theophyllin-ethylendiamin	Diaphyllin Venosum	240mg	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 5 ống 5ml	Gedeon Richter Plc	Hungary	599110994824 (VN-19654-16)	Nhóm 1	17.500	90	1.575.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
58	Amiodaron hydroclorid	BFS-Amiron	150mg/ 3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ x 3ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110538224 (VD-28871-18)	Nhóm 4	24.000	125	3.000.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
59	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	Amlodipin 5 mg	5mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	893110315623	Nhóm 4	798	249.535	199.128.930	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
60	Amoxicilin + Acid clavulanic	Augbactam 1g/200mg	1g + 0,2g	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar	Việt Nam	893110691824 (VD-29319-18)	Nhóm 4	24.000	170	4.080.000	CÔNG TY TNHH KENKO PHARMA
61	Amoxicilin + Acid clavulanic	Lanam SC 200mg/28,5mg	200mg + 28,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 12 gói x 0,8g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	893110136525 (VD-32519-19)	Nhóm 2	6.825	5.535	37.776.375	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
62	Amoxicilin; Acid clavulanic	Imefed SC 250mg/62,5mg	250mg; 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 12 gói x 0,8g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	VD-32838-19	Nhóm 2	8.900	1.600	14.240.000	Công ty CPTM Dược Phẩm PVN
63	Amoxicilin + Acid clavulanic	Claminat 500mg/125mg	500mg + 125mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 12 gói x 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	893110135625 (VD-26857-17)	Nhóm 4	6.300	510	3.213.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
64	Amoxicilin + Acid clavulanic	Augxicine 625	500mg + 125mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 6 vi, 8, 10 x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110170124 (VD-22533-15)	Nhóm 4	1.533	210	321.930	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha

STT	Họat chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
65	Amoxicilin + Acid clavulanic	Biocenet SC 500mg/62,5mg	500mg + 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 1 túi x 12 gói x 1,5g	Chi nhánh công ty cổ phần được phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vinh Lộc	Việt Nam	893110136225 (VD-3451-19)	Nhóm 2	10.800	830	8.964.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI AN PHÚ
66	Amoxicilin + Acid clavulanic	Biocenet tab 500mg/62,5mg	500mg + 62,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần được phẩm Imexpharm – Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vinh Lộc	Việt Nam	893110809824	Nhóm 2	8.925	15.670	139.854.750	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
67	Amoxicilin + Acid clavulanic	Aucelanlyl 875/125mg	875mg + 125mg	Viên nén dài bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	Việt Nam	893110394324 (VD-27058-17)	Nhóm 3	4.300	1.035	4.450.500	Công ty cổ phần Azenta
68	Amoxicilin	Amoxicillin 1000 mg	1000mg	Viên nén phân tán	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần được phẩm Imexpharm – Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vinh Lộc	Việt Nam	893110388324	Nhóm 2	5.187	12.730	66.030.510	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
69	Ampicilin + Sulbactam	Aupisin 1,5g	1g + 500mg	Thuốc bột pha tiêm	Uống	Lọ	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Hòa-dược phẩm Mekophar	Việt Nam	893110176024 (VD-29320-18)	Nhóm 4	27.600	165	4.554.000	CÔNG TY TNHH THUONG MAI DUOC PHAM NGUYEN DUONG
70	Acid acetylsalicylic	Doespin 81 mg	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Viên	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai 100 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	893110318423	Nhóm 4	189	270	51.030	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
71	Atorvastatin	Insuact 10	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	8931110487024	Nhóm 3	259	166.000	42.994.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
72	Atropin sulfat	Uni-Atropin	10mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	Hộp 20 ống x 0,5ml	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893114203225 (VD-34673-20)	Nhóm 4	12.600	270	3.402.000	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội
73	Azithromycin	Vizimex	500mg	Bột pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Anfarm hellas S.A.	Hý Lạp	520110070923 (VN-20412-17)	Nhóm 1	265.000	20	5.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL
74	Bacillus subtilis	Baci-subti	10 ⁷ -10 ⁸ CFU	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	893400647624 (QLSP-840-15)	Nhóm 4	2.900	30.435	88.261.500	CÔNG TY TNHH MEDDIST PHARMA

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
75	Bambuterol HCl	Hayex	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Nhóm - 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, PVC - Nhóm	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	893110021100	Nhóm 2	1.033	1.305	1.348.065	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
76	Bisoprolol fumarat + Hydrochlorothiazid	SaviProlol Plus HCT 5/6.25	5mg + 6.25mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	VD-20814-14	Nhóm 2	2.200	4.150	9.130.000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba
77	Bisoprolol fumarat	SaViProlol 2,5	2,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110355423	Nhóm 3	381	34.140	13.007.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
78	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110483324	Nhóm 4	117	200	23.400	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
79	Bromhexin hydroclorid	Vacobrom 16	16mg	Viên nén sủi	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 20 viên, Hộp 50 vỉ x 20 viên, Chai 200 viên, Chai 500 viên	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Việt Nam	893110287824	Nhóm 4	500	41.570	20.785.000	Công ty TNHH Dược phẩm An Nhân
80	Budesonide	BENITA	64mcg/liều xịt, lọ 120 liều	Thuốc xịt mũi	Xịt mũi	Lọ	Hộp 1 lọ x 120 liều	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	893100314323 (VD-23879-15)	Nhóm 4	90.000	225	20.250.000	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap
81	Cafein (tương đương 60mg Cafein citrat)	BFS-Cafein	30mg/ 3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 3ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110414724 (VD-24589-16)	Nhóm 4	42.000	35	1.470.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
82	Calci lactat gluconat + Calci carbonat	Powerforte	3500mg + 350mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Viên	Tuýp 10 viên; Tuýp 20 viên	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	893100316400 (VD-19612-13)	Nhóm 4	3.900	2.630	10.257.000	Công ty TNHH TM DP Anh Khoa
83	Calci carbonat + Vitamin D3	Boncium	500mg + 250UI	Viên	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	VN-20172-16	Nhóm 2	3.700	13.835	51.189.500	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam
84	Calci clorid	Calci clorid 0,5g/ 5ml	10%, 5ml	Thuốc tiêm/thuốc truyền	Tiêm	Ống	Hộp 100 ống 5ml	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110710824 (VD-25784-16)	Nhóm 4	819	3.045	2.493.855	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
85	Candesartan cilexetil	Candesartan BluePharma	8mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Bluepharma-Industria Farmaceutica, S.A.(Fab.Coimbr a)	Bồ Đào Nha	560110002624 (VN-20392-17)	Nhóm 1	4.536	47.035	213.350.760	Công ty cổ phần được Nam Đồng
86	Captopril	Captopril	25mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110483424	Nhóm 4	104	860	89.440	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
87	Carbamazepin	Carbamazepin 200 mg	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 lọ x 100 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	VD-23439-15	Nhóm 4	870	16.600	14.442.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN DƯỢC DANAPHA
88	Carbetocin	Vinbetocin	100µg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 1 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110200723	Nhóm 4	340.000	105	35.700.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
89	Carbocisteine	Carbocistein 250	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893100329800	Nhóm 4	732	945	691.740	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
90	Carbomer	Liposic Eye Gel	0,2% (2mg/g), 10g	Gel tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	Dr. Gerhard Mann Chem.-Pharm. fabrik GmbH	Đức	VN-15471-12	Nhóm 1	65.000	175	11.375.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
91	Cefaclor	Imeclor 125	125mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 12 gói x 1,5g	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	VD-18963-13	Nhóm 2	3.675	360	1.323.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
92	Cefixim	Cefimed	400mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 01 vỉ x 10 viên	Medoclemie Ltd.	Cyprus	VN-5524-10	Nhóm 1	30.000	60	1.800.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Nguyễn
93	Cefotaxim	Tenamyd Cefotaxime 1000	1g	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ túi/ống	Hộp 10 lọ	Cy CP Dược Medipharco	Việt Nam	VD-19443-13	Nhóm 1	11.361	9.230	104.862.030	Cy CP Dược Medipharco
94	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim sodium)	Tenamyd- cefotaxime 2000	2g	Bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp	Lọ	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	893110044523 (VD-19445-13)	Nhóm 1	24.675	85	2.097.375	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
95	Cefpodoxim	CEBEST	200mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	893110380123 (VD-28339-17)	Nhóm 3	8.600	140	1.204.000	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SBK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
96	Ceftazidim	Tenamyl-Ceftazidime 2000	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	VD-19448-13	Nhóm 1	37.989	1.885	71.609.265	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyl
97	Ceftriaxone	Medivemol 1g	1g	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	(Cơ sở nhận chuyên giao công nghệ): Công ty TNHH Medicochemie (Viên Đông)	Việt Nam	893710197523	Nhóm 1	9.330	10	93.300	Công Ty TNHH SK Quốc Tế
98	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Ceftrione 1g	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110122825	Nhóm 4	5.670	690	3.912.300	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
99	Cefuroxim	Cefurovid 250	250mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110682824 (VD-31977-19)	Nhóm 4	1.281	2.000	2.562.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha
100	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Cezimate 500mg	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TW25	Việt Nam	893110073524	Nhóm 4	1.990	6.290	12.517.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
101	Cetirizin	Becatec	10mg	Siro khô	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 1,5 g	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	VD-34081-20	Nhóm 4	4.500	5.535	24.907.500	Công ty Cổ Phần Dược Đại Nam
102	Cetirizin dihydroclorid	Kacerin	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Chai 1000 viên, chai nhựa HDPE	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	VD-19387-13	Nhóm 4	51	8.280	422.280	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
103	Clorpheniramin maleat	CLORPHENIRAMIN 4mg	4mg	Viên nén	Uống	Viên	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	893100225324	Nhóm 4	47	555	26.085	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2
104	Cilnidipin	Esseil-10	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	893110434724 (VD-28904-18)	Nhóm 2	5.400	14.040	75.816.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT
105	Cinnarizin	Cinnarizin 25mg	25mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893100047723	Nhóm 4	63	235	14.805	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha
106	Ciprofloxacin	Nafloxin Eye Drops Solution 0.3% w/v	0.3% x 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 5ml	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Greece	520115428223	Nhóm 1	64.848	25	1.621.200	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐÀN

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
107	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl) 200mg/100ml	Ciprofloxacin 200mg/100ml	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Túi 100ml	Công ty TNHH Dược Phẩm Allommed	Việt Nam	VD-35608-22	Nhóm 4	9.600	235	2.256.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trường Khang
108	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	Ciprofloxacin 500mg	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Chai 300 viên	Công ty cổ phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893115287023	Nhóm 4	517	755	390.335	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
109	Citalopram	Pranital	20mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Aniarm bellas S.A	Greece	520110016625 (VN-21205-18)	Nhóm 1	9.900	140	1.386.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH
110	Clarithromycin	Clarithromycin STELLA 500 mg	500 mg	viên nén bao phim	uống	viên	Hộp 8 vỉ x 7 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	VD-26559-17	Nhóm 2	3.741	5.185	19.397.085	Công ty CPDP Khương Duy
111	Clindamycin hydrochloride	Hyuga 150mg	150mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110210200 (VD-34140-20)	Nhóm 4	680	750	510.000	Công ty TNHH DP Atipham
112	Clindamycin A.T Inj	Clindamycin A.T Inj	300mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Chai	Hộp 10 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110804624 (VD-33404-19)	Nhóm 4	8.500	430	3.655.000	Công ty TNHH DP Atipham
113	Clobetasol propionat	Tralop 0,05%	0,05%; 10g	Tuyết	Kem bôi ngoài da	Tuyết	Hộp 1 tuyết x 10 gam	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893110166523	Nhóm 4	6.470	195	1.261.650	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THAI
114	Clotrimazol	Vagimesten	500mg	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	Hộp 1 vỉ x 2 viên	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893110295524	Nhóm 4	4.000	140	560.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THAI
115	Colchicin	Colchicina Seid Img Tablet	1mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Seid, S.A	Spain	840115989624 (VN-22254-19)	Nhóm 1	5.450	5.535	30.165.750	Công ty TNHH Dược phẩm Accord
116	Acid boric	CÓN BORIC 3%	300mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dùng ngoài	Chai	Hộp 1 chai 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	893100627924 (VD-23481-15)	Nhóm 4	6.300	135	850.500	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2
117	Crotamiton	Crotamiton Stella 10%	2g/20g	kem bôi da	dùng ngoài	tuyết	Hộp 1 tuyết 20g	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893100095024	Nhóm 4	24.000	25	600.000	Công ty CPDP Khương Duy
118	Desloratadin	Adirec	0,5mg/ml; 100ml	Siro	Uống	Lo	Hộp 1 lọ 100ml	JSC "Farmak"	Ukraine	482100206223	Nhóm 2	88.600	250	22.150.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hà

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
119	Desloratadin	Bostanex	0.5mg/ml; 120ml	Sirô	Uống	Chai	Hộp 1 chai 120ml	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	893100383124 (VD-31606-19)	Nhóm 4	77.000	250	19.250.000	Công ty TNHH Dược phẩm An Nhân
120	Desloratadin	Desloratadin	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893100365123	Nhóm 4	173	815	140.995	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
121	Dexamethason	Dexamethasone	3.33mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 50 ống x 1ml	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	893110237800 (VD-25856-16)	Nhóm 4	680	855	581.400	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
122	Dexpanthenol (panthenol, vitamin B5)	Panthenol	5%; 20g	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Ống/tuyp	Hộp 1 tuyp 20 gam	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	893100586724 (VD-26394-17)	Nhóm 4	20.000	5	100.000	Cty CP Dược Medipharco
123	Digoxin	Digoxin-BFS	0.25mg/ 1ml	Dung dịch tiêm	Truyền tĩnh mạch chậm	Lọ	Hộp 10 lọ 1ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110288900 (VD-31618-19)	Nhóm 4	16.000	95	1.520.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
124	Diosmin + Hesperidin	Venokern 500mg viên nén bao phim	450mg + 50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Kern Pharma S.L.	Spain	840110521124	Nhóm 1	3.100	38.440	119.164.000	Công ty TNHH DP Nhất Anh
125	Diosmin	Peletrocin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Help S.A.	Greece	520110016123	Nhóm 1	6.100	5.535	33.763.500	Công ty TNHH Dmp Thái Nhân
126	Diosmin	Phlebodia	600mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Innothera Chouzy	Pháp	300110025223	Nhóm 1	6.816	315	2.147.040	Công ty TNHH TM Dược Thuận Gia
127	Domperidon	A.T Domperidon	1mg/ml; 5ml	Hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 5ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110275423	Nhóm 4	760	225	171.000	Công ty TNHH DP Atipharm
128	Dopamin hydroclorid	Dopamine Renaudin 40mg/ml	200mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh	Tiêm truyền	Ống	Hộp 10 ống x 5ml	Laboratoire Renaudin	Pháp	300110348224	Nhóm 1	45.000	60	2.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL
129	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	Doxycyclin 100 mg	100mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên, (vỉ nhôm-PVC)	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	893110184624	Nhóm 4	508	1.530	777.240	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
130	Protaverine hydrochloride	No-Spa 40mg/2ml	40mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm bắp / Tiêm tĩnh mạch	Ông	Hộp 5 vỉ x 5 ống 2ml	Chimoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd.	Hungary	VN-23047-22	Nhóm 1	5.306	185	981.610	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
131	Dutasterid	Dryches	0,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110703324	Nhóm 2	7.990	7.800	62.322.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
132	Eperison HCl	Ryzonal	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên, nhôm-nhôm; Hộp 10 vỉ x 10 viên, PVC/nhôm	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110663724	Nhóm 2	388	30.435	11.808.780	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
133	Adrenalin	Adrenalin	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110172024	Nhóm 4	1.200	2.055	2.466.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
134	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat)	Erythromycin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110287423	Nhóm 4	1.349	390	526.110	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
135	Recombinant Human Erythropoietin alfa	Nanokine 2000 IU	2000 IU/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ 1ml	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược NanoGen	Việt Nam	QLSP-920-16	Nhóm 4	125.000	2.175	271.875.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
136	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tảo trong ruột chứa Esomeprazole magnesium (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	Esomeprazol 20mg	20mg	Viên nang cứng	Uống	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110810424	Nhóm 4	219	700	153.300	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
137	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	Esogas	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 5ml	Công ty cổ phần Dược-Tiăng thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110123525	Nhóm 4	7.707	150	1.156.050	Công ty cổ phần Dược-Tiăng thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
138	Esomeprazole (dưới dạngesomeprazole magnesium pellets (dưới dạngesomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%	Esomeprazol 40mg	40mg	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Uống	Viên	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110354123	Nhóm 4	423	30.505	12.903.615	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
139	Famotidin	Bifamodin 20mg/2ml	20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 2ml	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110145023	Nhóm 4	32.970	10	329.700	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
140	Fenofibrate (dưới dạng fenofibrate nanonized)	Colestrim Supra	145mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Ethypharm	France	300110411123	Nhóm 1	7.000	9.425	65.975.000	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
141	Fexofenadin hydroclorid	Fefasdin 180	180mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893100483824	Nhóm 4	528	8.730	4.609.440	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
142	Fexofenadin hydroclorid	SaViFexo 60	60mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893100070924	Nhóm 2	460	14.470	6.656.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
143	Fluconazol	Fluconazole STELLA 150 mg	150mg	viên nang cứng	uống	viên	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893110462324	Nhóm 3	9.200	50	460.000	Công ty CPDP Khương Duy
144	Furosemid	Vinzix	40mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 50 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110306023	Nhóm 4	92	1.775	163.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
145	Fusidic acid	Bifudin	20mg/1g	Kem	Dùng ngoài	Tuyp	Hộp 1 tuyp 15g	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110145123	Nhóm 4	29.400	5	147.000	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
146	Gentamicin	Gentamicin 80mg/2ml	80mg/2ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	ống	Hộp 100 ống 2ml	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	893110684224 (VD-25310-16)	Nhóm 4	998	635	633.730	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
147	Gliclazid	Gliclada 30mg	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	Hộp 8 vỉ x 15 viên	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	383110402233 (VN-20615-17)	Nhóm 1	2.499	67.600	168.932.400	Cty CP Dược Medipharco

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
148	Glucose	Glucose 10%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 11g) 10g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Thùng 30 chai x 250ml	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	893110118223	Nhóm 4	9.182	75	688.650	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
149	Glucose	Glucose 10%	10%, 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Chai 500ml, thùng 20 chai	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	VD-35953-22	Nhóm 4	8.000	1.150	9.200.000	Công ty TNHH DP Phú Phi
150	Glucose	Glucose 5%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 5,5g) 5g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Thùng 80 Chai x 100ml	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	893110118123	Nhóm 4	7.319	2.240	16.394.560	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
151	Glucose	Glucose 5%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 5,5g) 5g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Thùng 30 chai x 250ml	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	893110118123	Nhóm 4	7.387	935	6.906.845	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
152	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat) 25g	Glucose 5%	5% 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Chai 500ml, Thùng 20 chai	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	VD-35954-22	Nhóm 4	6.600	2.070	13.662.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trường Khang
153	Glycerin	Rectiofar	1,79 g/3ml	Dung dịch bơm trực tràng	Dung dịch bơm trực tràng	Ông	Hộp 50 túi x 1 ống bơm 3ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893100068100	Nhóm 4	2.158	70	151.060	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
154	Glycerin	Rectiofar	1,79 g/3ml	Dung dịch bơm trực tràng	Dung dịch bơm trực tràng	Ông	Hộp 40 túi x 1 ống bơm 5ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893100068100	Nhóm 4	2.601	50	130.050	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
155	Nitroglycerin (dưới dạng nitroglycerin 2% in lactose)	Nitrostat 0,3	0,3mg	viên nén đặt dưới lưỡi	đặt dưới lưỡi	viên	Hộp 10 vi x 6 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Sielapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893110462223	Nhóm 4	1.580	390	616.200	Công ty CPDP Khương Duy
156	Nitroglycerin (dưới dạng Nitroglycerin 5% k/Ki trong propylen glycol)	Vinceryl 5 mg/5 ml	5mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 2 vi x 5 ống x 5 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	893110030324	Nhóm 4	48.000	285	13.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc
157	Griseofulvin	Griseofulvin 500mg	500mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110229900 (VD-23691-15)	Nhóm 4	1.134	100	113.400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
158	Haloperidol	Halofar	2mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 20 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893110289300	Nhóm 4	93	3.820	355.260	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
159	Hepatitis B immune globulin (HBIG)	Fovepta	200IU/0,4ml	Thuốc tiêm/ thuốc c tiêm truyền	Tiêm	Ống	Hộp 1 ống tiêm đóng sẵn 0,4ml kèm 1 kim tiêm	Cơ sở SX: Biotest AG; Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH	Đức	SP3-1233-21	Nhóm 1	2.000.000	35	70.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THƯƠNG MẠI ĐƯỢC HOÀNG LONG
160	Human Hepatitis B Immunoglobulin	ImmunoHBs 180IU/ml	180IU/1ml	đung dịch tiêm	tiêm	lọ	Hộp 1 lọ x 1ml	Kedrion S.P.A	Italy	QLSP-0754-13	Nhóm 1	1.750.000	40	70.000.000	Công ty CPDP Khương Duy
161	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất tinh chế - (SAV)	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất tinh chế (SAV)	1000LD50	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	Lọ	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	893410323825 (QLSP-0776-14)	Nhóm 4	507.014	5	2.535.070	Công ty Cổ phần vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
162	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế 1000 LD50/ lọ	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế (SAV)	1000LD50	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	Lọ	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	893410323925 (QLSP-0777-14)	Nhóm 4	507.014	20	10.140.280	Công ty Cổ phần vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
163	Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 đvqt	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	1500đvqt (1500 IU)	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	Ống	Hộp 20 ống, hai vỉ x 1500 đvqt	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	893410250823 (QLSP-1037-17)	Nhóm 4	34.852	280	9.758.560	Công ty Cổ phần vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
164	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat pha tiêm)	Vinphason	100mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ x 10 ống, mỗi ống 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110219823	Nhóm 4	6.489	195	1.265.355	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
165	Hydroxy cloroquin sulfat	Bridotyl	200 mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	VD-36113-22	Nhóm 4	4.380	100	438.000	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam
166	Hydroxypropylmethyl cellulose	SYSEYE	0,3%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 15ml	Công ty Cổ phần Tập Đoàn M/erap	Việt Nam	893100182624 (VD-25905-16)	Nhóm 4	32.800	830	27.234.000	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap
167	Hyoscin - N - butylbromid	Vincopane	20mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110448124 (VD-20892-14)	Nhóm 4	2.640	345	910.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
168	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup	100mg/5ml; 60ml	Hỗn dịch uống	Uống	Chai	Hộp 1 chai x 60 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100208200 (VD-25631-16)	Nhóm 4	15.750	60	945.000	Công ty TNHH DP Atipharm

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SBK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
169	Ibuprofen	Goldprofen	400mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A. (Fab.)	Bồ Đào Nha	VN-20987-18	Nhóm 1	2.480	4.495	11.147.600	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát
170	Indomethacin	Indocollyre	0,1%, 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lo	Hộp 1 lọ 5ml	Laboratoire Chauvin	Pháp	30010044423 (VN-12548-11)	Nhóm 1	68.000	20	1.360.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
171	Insulin Glargine (rDNA origin)	Insunova -G Pen	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	Hộp chứa 01 bút tiêm nạp sẵn chứa 03ml dung dịch thuốc	Biocon Biologics Limited	India	QL-SP-907-15	Nhóm 5	220.000	115	25.300.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
172	Irbesartan	Irbesartan	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Chai 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	VD-35515-21	Nhóm 4	347	30.435	10.560.945	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
173	Isoretinoin	Myspa	10 mg	Viên nang mềm	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	893110217600 (VD-22926-15)	Nhóm 4	2.400	450	1.080.000	Công ty TNHH Dược phẩm IVY
174	Kali clorid	Kali clorid 10%	1g/10ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Ống	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110375223	Nhóm 4	1.900	1.305	2.479.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
175	Kẽm gluconat	A.T Zinc	10mg Kẽm	Viên nén phân tán	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110702824	Nhóm 4	126	6.320	796.320	Công ty TNHH DP Anpharm
176	Kẽm nguyên tố (dưới dạng kẽm gluconat 56mg)	Siro Snapcef	8mg/5ml	Siro	Uống	Chai	Hộp 1 chai 100ml siro	Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	893100919424	Nhóm 4	29.500	225	6.637.500	Công ty TNHH Dược Phẩm Y Đông
177	Ketoconazol	Ketoconazol	100mg/5g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 5 gam	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	893100355023 (VD-23197-15)	Nhóm 4	2.900	45	130.500	Cty CP Dược Medipharco
178	Ketoconazol	Ketoderm	2%, 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	893100138124	Nhóm 4	4.100	25	102.500	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPKN	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
179	Kháng nguyên Vĩ rút đại tính chế (chủng L.Pasteur 2061/vero)	Speeda	$\geq 2,5\text{IU}/0,5\text{ml}$	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm Bắp	Lọ	Hộp 5 lọ bột đông khô và 5 ống dùng một nước cất pha tiêm x 0,5ml	Liaoning Cheng da Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	QL.VX-1041-17	Nhóm 5	163.800	85	13.923.000	Công ty TNHH Dược phẩm Biển Loan
180	Lactobacillus acidophilus	Lactiosyn	10^8 CFU	Thuốc bột uống	Uống	Gói	Hộp 100 gói	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	QLSP-851-15	Nhóm 4	840	7.695	6.463.800	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
181	Latanoprost	Latanidrops	50mcg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 2,5ml	Vianex S.A-Plant A	Greece	VN-21244-18	NHÓM 1	240.000	35	8.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN
182	Levocetirizine dihydrochloride	Clanzen	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893100287123	Nhóm 4	142	335	47.570	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
183	Benserazid (dưới dạng Benserazid hydrochlorid) + Levodopa	Vindopar 250	50mg + 200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 lọ x 30 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110747224	Nhóm 4	3.000	250	750.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
184	Levodopa + Carbidopa (dưới dạng Carbidopa monohydrat)	Creamec 10/100	100mg + 10mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi	Việt Nam	893110207125 (VD-34729-20)	Nhóm 2	2.892	1.385	4.005.420	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
185	Levodopa + Carbidopa khan (dưới dạng carbidopa)	Vincapar 275	250mg + 25mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110232424	Nhóm 4	3.000	2.630	7.890.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
186	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Eyexacin	25mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5 ml	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893115123725	Nhóm 4	8.904	170	1.513.680	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
187	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512,45mg)	Vinlevo Plus	500mg/20ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ x 20ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893115104100	Nhóm 4	13.500	120	1.620.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
188	Levofloxacin	BV Levocin 500	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 05 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893115372224	Nhóm 4	894	100	89.400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THAI

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
189	Levofloxacin	Levofloxacin 750mg/150ml	750mg/150ml; 150ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Hộp 5 túi, 10 túi nhóm x 01 chai 150ml	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Inexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	VD-35192-21	Nhóm 2	154.000	85	13.090.000	Công ty TNHH Dược phẩm Hiên Mai
190	Lidocain + Epinephrin (adrenalin)	Lignospan Standard	(36mg + 18,13 mcg) 1,8ml	Dung dịch tiêm trong nha khoa	Tiêm	Ống	Hộp 5 vi x 10 ống cartridge	Septodont	Pháp	300110796724 (VN-16049-12)	Nhóm 1	15.484	555	8.593.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Phúc An
191	Lidocain hydroclorid (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Lidocain- BRS 200mg	200mg/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 20 lọ x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110059024	Nhóm 4	14.800	60	888.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
192	Lidocain hydroclorid	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	2%, 2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 100 ống x 2ml	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Dương	Việt Nam	VD-23764-15	Nhóm 4	480	350	168.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
193	Linezolid	Linezolid 400	400mg/200ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Túi	Hộp 1 túi 200 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	893110056924 (VD-30289-18)	Nhóm 4	184.500	25	4.612.500	Công ty cổ phần dược phẩm Hiệp Bách Niên
194	Linezolid	Linezolid 600mg/300ml	600mg/300ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Hộp 1 lọ 300ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbao	Việt Nam	893110129623	Nhóm 4	194.964	10	1.949.640	Công ty CPDP Tre Xanh
195	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrate 10,89mg); Hydrochlorothiazide	Lisipilus HCT 10/12,5	10mg; 12,5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Sielapharma - Chi nhánh 1	Việt Nam	VD-17766-12	Nhóm 1	2.989	13.835	41.352.815	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT
196	Lisinopril	SaVi Lisinopril 20	20mg	Viên Nén	Uống	Viên	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Việt Nam	893110277424	Nhóm 2	3.400	30.435	103.479.000	Công ty TNHH Đông Nam Pharma
197	Losartan potassium	Losiad T100	100mg	viên nén bao phim	uống	viên	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Sielapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	VD-23973-15	Nhóm 2	2.100	14.885	31.258.500	Công ty CPDP Khương Duy
198	Losartan kali	Nerazzu-50	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vi (nhóm-nhóm) x 10 viên, Hộp 10 vi (nhóm-PVC) x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110214300	Nhóm 2	333	150.200	50.016.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
199	Magnesium hydroxide + nhôm hydroxide + simethicon	ALUMAG-S	2,668g + 4,596g + 0,266g; 15g	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ nhũ dịch	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 15g	Agimexpharm	Việt Nam	893100066100	Nhóm 4	3.213	35.970	115.571.610	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG
200	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Gelactive Fort	400mg + 300mg + 30mg	hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	893100473424	Nhóm 4	2.600	10	26.000	Công Ty Cổ Phần O2Pharm
201	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd	AMFORTGEL	(390mg; 336,6mg)/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 10ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	VD-34952-21	Nhóm 4	2.750	83.000	228.250.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap
202	Meloxicam	Meloxicam 15 mg/1,5 ml	15mg/1,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 1,5ml	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	VD-19814-13	Nhóm 4	1.995	70	139.650	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
203	Meloxicam	Medoxicam 15mg	15mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp chứa 10 vỉ x 10 viên	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	VN-17741-14	Nhóm 1	7.500	30.420	228.150.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Nhật Quốc
204	Mepivacain hydroclorid	Scandonest 3% Plain	54mg/1,8ml	Dung dịch tiêm dùng trong nha khoa	Tiêm	Ống	Hộp 5 vỉ x 10 ống/1,8ml	Septodont	Pháp	300110022724 (VN-19347-15)	Nhóm 1	16.094	15	241.410	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Phúc An
205	Meropenem (dưới dạng Meropenem + Natri carbonat khan)	Bironem 500	500mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	VD-23139-15	Nhóm 4	13.986	645	9.020.970	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
206	Metformin hydroclorid	Glucofine 1000 mg	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	VD-33036-19	Nhóm 4	499	71.760	35.808.240	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
207	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Vinsolon 125	125mg	Thuốc bột đóng gói khô pha tiêm	Tiêm	Lo	Hộp 05 lọ + 05 ống dùng mỗi 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110100023	Nhóm 4	22.800	260	5.928.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
208	Methylprednisolon	Methlone-4	4mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	8931110061124	Nhóm 2	580	5.350	3.103.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
209	Metoclopramid hydroclorid	Vincomid	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD-21919-14	Nhóm 4	1.100	940	1.034.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
210	Metronidazol, Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat), Nystatin	NEO - MEGYNA	500mg, 65.000IU, 100.000IU	Viên nén dài dài âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	893115055724 (VD-20651-14)	Nhóm 4	2.150	530	1.139.500	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
211	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893115886624	Nhóm 4	124	6.420	796.080	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
212	Milrinon	Milrinone - BFS	10mg/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lo	Hộp 10 lọ x 10ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110363923 (VD3-43-20)	Nhóm 4	115.500	5	577.500	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
213	Mirtazapine	Jewell	30mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Nhóm-Nhóm, Hộp 6 vỉ x 10 viên, PVC-Nhóm	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110882824	Nhóm 2	1.479	250	369.750	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
214	Misoprostol	Mifetone 200mcg	200mcg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	893110156325 (VD-33218-19)	Nhóm 4	3.550	235	834.250	Công ty Cổ phần Dược Newsun
215	Mometason furoat	Wizosone	50mg/liều xịt, 120 liều xịt	Thuốc xịt mũi	Nhỏ Mũi	Lo	Hộp 1 lọ 120 liều xịt	Công ty cổ phần Dược Khoa	Việt Nam	893100641624 (VD-32496-19)	NHÓM 4	119.000	10	1.190.000	CÔNG TY TNHH VIBAN

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
216	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	Golistin-enema for children	(10,63g +3,92g)/ 66 ml	Dung dịch trực tràng	Thụt trực tràng	Lọ	Hộp 1 lọ 66ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893100265600 (VD-24751-16)	Nhóm 4	39.690	115	4.564.350	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
217	Montelukast (dưới dạng Natri montelukast)	Meyerlukast 10	10mg	Viên nén nhai	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	893110090724	Nhóm 4	569	10.075	5.732.675	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Mỹ
218	Moxifloxacin	Moxifloxan 5mg/ml eye drops, solution	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 5ml	Balkanpharma - Razgrad AD	Bungary	380115024125 (VN-22375-19)	Nhóm 1	78.750	155	12.206.250	Công ty cổ phần dược phẩm Hiệp Bạch Niên
219	N-acetylcystein	Bixamuc 200	200mg	Thuốc cầm	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 1g	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893100294624	Nhóm 4	458	40	18.320	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THAI
220	Natamycin	Natamin	5% (w/v)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	Hộp 1 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110090100	Nhóm 4	350.000	35	12.250.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
221	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9%	0,9%; 1000ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng Ngoài	Chai	Chai 1000ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100479724	Nhóm 4	8.900	15	133.500	Công ty TNHH DP Alupharm
222	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Natri clorid 90mg	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi	Nhỏ Mắt, Nhỏ mũi	Lọ	Hộp 1 lọ x 10ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893100060724	Nhóm 4	1.299	3.915	5.085.585	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
223	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9%	0,9%; 500ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng Ngoài	Chai	Chai 500ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893100479724	Nhóm 4	5.740	700	4.018.000	Công ty TNHH DP Alupharm
224	Natri hyaluronat	VITOL	0,18%, 12ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 12 ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	893110454524 (VD-28352-17)	Nhóm 4	39.000	390	15.210.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap
225	Natri hyaluronat	Afenemi	1,8mg/ 1ml; Ống 0,5 ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	Hộp 20 ống 0,5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110913924 (VD-29479-18)	Nhóm 4	8.000	1.600	12.800.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
226	Natri bicarbonat	BFS-Nabica 8,4%	840 mg/ 10 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ, Lọ 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	VD-26123-17	Nhóm 4	19.740	155	3.059.700	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SBK hoặc số GPVK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
227	Neomycin + Polymyxin B + Dexamethason	SCOFI	35.000IU + 60.000IU + 10mg/ 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lo	Hộp 1 lọ x 10ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	893110301700 (VD-32234-19)	Nhóm 4	37.000	115	4.255.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap
228	Nicardipin hydroclorid	Itamecardi 10	10mg/10ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Ông	Hộp 5 ống x 10ml; Hộp 10 ống x 10ml	Công ty TNHH sản xuất được phẩm Mediac Pharma Italy	Việt Nam	893110582324 (VD-32436-19)	Nhóm 4	82.000	140	11.480.000	Công ty Cổ phần AFP Gia Vũ
229	Nicardipin hydroclorid	Sun-Nicar 10mg/50ml	10mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Lo	Hộp 1 lọ x 50ml	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	893110639724 (VD-32436-19)	Nhóm 4	82.000	70	5.740.000	Công ty TNHH DP Phú Phi
230	Nước cất pha tiêm	Nước cất tiêm	5ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 50 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	893110038000	Nhóm 4	500	10.175	5.087.500	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
231	Nystatin	NYSTATIN 25000 IU	25.000IU	Thuốc bột rắc miệng	Bột đánh tưa lưỡi	Gói	Hộp 20 gói x 1 gam	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	893100200124 (VD-18216-13)	Nhóm 4	980	105	102.900	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2
232	Nystatin	Nystatin 500.000IU	500.000UI	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 8 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110271200 (VD-24878-16)	Nhóm 4	735	100	73.500	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha
233	Ocetreoid (dưới dạng Ocetreoid acetat)	Ocetreoid	0,1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 1ml, Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	VĐ-35840-22	Nhóm 4	80.000	45	3.600.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc
234	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	Kagessine	20mg	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Uống	Viên	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110136825	Nhóm 4	145	93.590	13.570.550	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
235	Omeprazol (dưới dạng omeprazol natri)	Omevin	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	893110374823	Nhóm 4	5.800	190	1.102.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc
236	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat)	Ondansetron Bidiphar 8mg/4ml	8mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 10 ống x 4ml	Công ty cổ phần Dược-Tiăng thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110125025	Nhóm 4	3.486	10	34.860	Công ty cổ phần Dược-Tiăng thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
237	Oseltamivir (dưới dạng Oseltamivir phosphate 98,53mg)	Flustad 75	75mg	Viên nang cứng	Uống	viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893110305300	Nhóm 2	15.000	10	150.000	Công ty CPDP Khương Duy
238	Oxacilin	Oxacillin IMP 500mg	500mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	893110437724	Nhóm 2	7.350	775	5.696.250	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
239	Oxcarbazepin	Carbamaz	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	893114533924	Nhóm 4	3.600	100	360.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
240	Pantoprazol	SaVi Pantoprazole 40	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	VD-20248-13	Nhóm 3	775	60.870	47.174.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
241	Paracetamol	Partamol 150 Supp.	150mg	Viên đạn đặt trực tràng	đặt trực tràng	viên	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893100037424	Nhóm 4	1.575	2.110	3.323.250	Công ty CPDP Khương Duy
242	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml	10mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Thùng 48 túi 100ml	Công ty TNHH Dược Phẩm Allowed	Việt Nam	893110055900	Nhóm 4	8.250	900	7.425.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trường Khang
243	Paracetamol (Acetaminophen)	Paracetamol A.T inj	300mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 2 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110203524	Nhóm 4	6.300	35	220.500	Công ty TNHH DP Atpharm
244	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	Effer-paralmax codein 10	500mg + 10mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Viên	Hộp 05 vỉ x 04 viên, Hộp 10 vỉ x 04 viên, vỉ xé Al/Al	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	893111203724	Nhóm 4	2.100	5.535	11.623.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG
245	Paracetamol	Pharbacol	650mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	893100076524 (VD-24291-16)	Nhóm 3	1.000	50	50.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
246	Phenobarbital	Garmonal	100mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	893112426324	Nhóm 4	315	4.155	1.308.825	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
247	Phytonadione (Vitamin K1) Không có cồn Benzyllic, dùng được cho trẻ sơ sinh	Vik 1 inj.	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống x 1ml	Dai Han pharma. Co., Ltd.	Korea	880110792024 (VN-21634-18)	Nhóm 2	11.000	165	1.815.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
248	Phytomenadion	Vinphytron 10mg	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110078124	Nhóm 4	1.650	625	1.031.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
249	Piperacilin	Pidsai Inj. 1g	1g	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Pennix Ltd	Korea	880110038125	Nhóm 2	64.995	20	1.299.900	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Ngọc Thiên
250	Piracetam	Piracetam	400mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110027724	Nhóm 4	229	66.400	15.205.600	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
251	Piracetam	Piracetam 800mg	800mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	893110034100 (VD-26311-17)	Nhóm 4	336	500	168.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidiapha
252	Calci polystyren sulfonat	Kalira	5g	Bột pha hỗn dịch	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 5g	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893110211900 (VD-33992-20)	Nhóm 4	14.700	10	147.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
253	Povidon iod	Povidine	1g/20ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Lọ	Hộp 1 lọ x 20ml	Công Ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893100020100	Nhóm 4	6.489	10	64.890	Công Ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic
254	Povidon iod	Povidine 4%	20g/500ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai	Chai 500ml	Công Ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893100593224	Nhóm 4	44.082	3.335	147.013.470	Công Ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
255	Propranolol hydrochlorid	Propranolol 40	40mg	Viên nén	Uống	Viên	Chai 50, 100, 200 viên; Hộp 1, 3, 5, 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Erlie	Việt Nam	VD-35649-22	Nhóm 4	550	100	55.000	Công ty Cổ Phần Dược Đại Nam
256	Racecadotril	Racetil 10	10mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	uống	gói	Hộp 30 gói x 1 g	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893110420723	Nhóm 4	3.318	710	2.355.780	Công ty CPDP Khương Duy
257	Racecadotril	Soshidra	30 mg	Bột/ hạt cốm/ pha uống	Uống	Gói	Hộp 10 gói	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	893110016500	Nhóm 4	1.118	285	318.630	Công ty CPDP Ampharco U.S.A
258	Saccharomyces boulardii	Bolabio	109 CFU	Thuốc bột	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 1 g	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	893400306424	Nhóm 4	3.300	11.070	36.531.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn
259	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Zensalbu nebulas 2.5	2.5mg/2.5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	Ống	Hộp 10 ống x 2.5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893115019000 (VD-21553-14)	Nhóm 4	4.410	8.300	36.603.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
260	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Zensalbu nebulas 5.0	5mg/2.5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	Ống	Hộp 10 ống x 2.5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893115019100 (VD-21554-14)	Nhóm 4	8.400	3.735	31.374.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
261	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat); Ipratropium bromid	Zencombi	(2.5mg + 0.5mg)/ 2.5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	Lọ	Hộp 10 lọ x 2.5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893115592124 (VD-26776-17)	Nhóm 4	12.600	8.985	113.211.000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
262	Salmeterol + fluticason propionat	FORAIR 250	25mcg + 250mcg, 120 liều	Thuốc xịt phun mù	Dạng hít qua đường miệng	Bình	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Zydus Lifesciences Limited	India	890110083523	Nhóm 5	82.450	555	45.759.750	Công ty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
263	Sắt (III) hydroxyd polymaltose complex 34%	Zibifer	100mg/10ml; chai 60ml	Sirô	Uống	Chai	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	893100708024	Nhóm 4	80.000	5	400.000	Công ty CPTM Dược Phẩm PVN
264	Sắt gluconat + Mangan gluconat + Đồng gluconat	Vigahom	431,68mg + 11,65mg + 5mg; 10ml	Dung dịch uống, Ống 10ml	Uống	Ống	Hộp 20 Ống	Công Ty CP Dược Phẩm Phương Đông	Việt Nam	893100207824	Nhóm 4	3.750	5.535	20.756.250	Công Ty CP Dược Phẩm Thành Vinh

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
265	Sắt (dưới dạng sắt sucrose 1710mg)	Anifix	100mg/5ml	dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Ông	Hộp 10 ống x 5ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110148224 (VD-27794-17)	Nhóm 4	70.000	135	9.450.000	Công ty TNHH Lynch Fama
266	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	Sildenafil 50	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao AoiPha	Việt Nam	893110574524	Nhóm 4	8.400	10	84.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
267	Spiramycin + Metronidazol	Spirastad Plus	750.000 IU + 125mg	viên nén bao phim	uống	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Steliapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893115097124	Nhóm 2	1.990	5.535	11.014.650	Công ty CPDP Khương Duy
268	Spiroinolacone	Spiroinolacton	25mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 25 viên, Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	VD-34696-20	Nhóm 4	321	1.125	361.125	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
269	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Thuốc mỡ Tacropic	10mg/10g	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 10g	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	VD-20364-13	Nhóm 4	65.000	25	1.625.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
270	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	Telsar-H 40/12,5	40mg + 12,5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	VN-22528-20	Nhóm 2	865	1.560	1.349.400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
271	Terbutalin sulfat	Vinterlin	0,5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD-20895-14	Nhóm 4	4.830	290	1.400.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
272	Tetracain hydroclorid	TETRACAIN	50mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai	Hộp 1 chai 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	893110014900 (VD-31558-19)	Nhóm 4	15.015	15	225.225	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2
273	Tetracyclin (hydroclorid)	Tetracyclin 1%	1%, 5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ Mắt	Tuýp	Hộp 100 tuýp 5 gam	Cy CP Dược Medipharco	Việt Nam	893110920324 (VD-26395-17)	Nhóm 4	3.200	85	272.000	Cy CP Dược Medipharco
274	Theophyllin-ethylendiamin	Diaphyllin Venosum	240mg	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 5 ống 5ml	Gedeon Richter Plc	Hungary	599110994824 (VN-19654-16)	Nhóm 1	17.500	90	1.575.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
275	Thiocolchicosid	Coltamin 8	8mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	893110239223	Nhóm 4	2.950	4.150	12.242.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - THAI
276	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcillin dinatri); Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	Bidicarin 1,6g	1,5g + 0,1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	VD-32999-19	Nhóm 4	95.550	255	24.365.250	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
277	Lọ 5ml chứa: Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat); Dexamethason natri phosphat	Tobidex	15mg + 5mg	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 5ml	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110161025	Nhóm 4	6.300	5	31.500	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
278	Tobramycin	Tobrafar	Mỗi 5ml chứa: Tobramycin 15mg	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 5ml	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	893110061024	Nhóm 4	2.700	265	715.500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
279	Tobramycin	Sibalyn 80mg/100ml	80mg/100ml; 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai	Hộp 1 chai x 100ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	893110149724 (VD-29691-18)	Nhóm 4	60.900	555	33.799.500	Công ty cổ phần dược phẩm Hiệp Bách Niên
280	Acid tranexamic	Cammic	250 mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110306123	Nhóm 4	1.230	55	67.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
281	Acid tranexamic	Cammic	500 mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD-23729-15	Nhóm 4	3.000	185	555.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
282	Acid tranexamic	Cammic	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 túi nhóm 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	VD-17592-12	Nhóm 4	1.397	335	467.995	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
283	Travoprost	Travoprost/Pharmathen	40mcg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 2,5ml	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	VN-23190-22	Nhóm 1	241.000	20	4.820.000	Công ty TNHH Dmp Thái Nhân
284	Trimebutin maleat	Tributel	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	893110883624 (VD-22324-15)	Nhóm 2	1.500	5.645	8.467.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SBK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
285	Trimetazidin dihydroclorid	SaVi Trimetazidine 35MR	35mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110543124	Nhóm 2	388	149,375	57.957.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
286	Mỗi 0,5ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Darvin/9/2021(H3N2)-like strain (A/Darvin/9/2021,SAN-010) 15mcg haemagglutinin,A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain(A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin,B/Australia/1359417/2021-like strain (B/Australia/1359417/2021, BVR-26)15mcg haemagglutinin,B/Phuket/3073/2013 -like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	INFLUVAC TETRA	15 mcg HA/chúng/ 0,5ml/liều	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp hoặc tiêm sâu dưới da	Born	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch.	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	870310304024 (VX3-1228-21)	Nhóm 2	264.000	85	22.440.000	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
287	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	≥ 40 IU/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	Ống	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 1 liều vắc xin)	Viên vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	893310323125 (QL.VX-881-15)	Nhóm 4	16.262	150	2.439.300	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
288	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 10 mcg/0,5ml	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp - Gene-HBVAX	10mcg/ 0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Lọ	Hộp 10 lọ x 0,5ml	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	893310036423 (QL.VX-1043-17)	Nhóm 4	56.070	285	15.979.950	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nam Hưng Việt
289	Natri valproate	Depakine 200mg/ml	200mg/ml	Dung dịch thuốc uống	Uống	Chai	Hộp 1 chai 40ml và 1 xy lanh có vạch chia liều để lấy thuốc	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanoft Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi; Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng: Sanoft Winthrop Industrie	Nước sản xuất và đóng gói: Thổ Nhĩ Kỳ; Nước kiểm nghiệm và xuất xưởng: Pháp	868114087823	Nhóm 2	80.696	5	403.480	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
290	Valsartan	ValtimAPC 80	80 mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, vỉ 10 viên	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	VD-35340-21	Nhóm 4	576	66.400	38.246.400	Công ty CPDP Ampharco U.S.A
291	Thiamin hydroclorid	Vitamin B1	100mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 100 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110448724	Nhóm 4	760	35	26.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
292	Vitamin C	Amsurvit-C 1000	1000mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Viên	Hộp 1 tuýp x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	893110541724	Nhóm 2	1.900	13.835	26.286.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
293	Acid Ascorbic	Vitamin C	500mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110416324	Nhóm 4	155	3.380	523.900	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
294	Nicotinamid	Vitamin PP	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Chai 200 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	893110438324	Nhóm 4	155	3.820	592.100	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
295	Nicotinamid	Vitamin PP 50	50mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 1 lọ 60 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	VD-36125-22	Nhóm 4	92	200	18.400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Pharmedic

Tổng số mặt hàng mua sắm: 295 khoản

Tổng giá mua sắm: 7.681.971.300 đồng

Bằng chữ:

Bảy tỷ sáu trăm tám mươi một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng



